

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 578/2025/DS - PT
Ngày 27 - 11 - 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Ông Nguyễn Thế Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2025/DS - ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 568/2025/QĐ - PT ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Diễm K, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Tô Thị Diễm K: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2025.

Bị đơn: Chị Lê Thị Bé B, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đào T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Anh Đào Thế S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Tô Thị Diễm K, lời khai của chị Nguyễn Thị Mộng T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên bà Tô Thị Diễm K có tham gia góp hụi, do chị Lê Thị Bé B làm chủ hụi và cũng có cho chị bé B vay tiền nhưng đã lâu nên cũng không nhớ rõ thời gian cụ thể nhưng ngày 17/01/2025 thì chốt lại số tiền nợ vay, nợ hụi còn thiếu bà K là 2.124.000.000đ (hai tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu đồng), biên nhận này do chị Bé B viết rồi ký tên, lãi suất chốt khi lập biên nhận nợ là 1%/tháng nhưng chưa đóng lãi được tháng nào, số tiền này giao dịch giữa chị bé B với bà K chứ không có đưa cho anh Đ1 Thế Sự.

Đối với số tiền vay của ông Đặng Văn C, bà Phạm Thị H theo giấy thỏa thuận cho vay ngày 03/10/2024 là bà K vay 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), bà K nhận tiền từ bà H, ông C rồi mới đem về giao cho chị B1 Ba vì chị B1 Ba không có quen với ông C, bà H. Những chữ ghi trong giấy này chỉ có ông C, bà H ghi số tiền 2 tỷ, lãi suất 1,5%, còn lại là chị bé Ba ghi hết; số “+ 1 tỷ” không có liên quan nên bà K không có tính và cũng không có yêu cầu.

Khi bà K cho vay, góp hụi thì chỉ giao dịch với chị Bé B, chị B1 Ba vay tiền nói mục đích để trả nợ ngân hàng và để làm ăn kinh tế chứ không có nói cụ thể kinh tế gì. Do anh Đào Thế S với chị B1 Ba là vợ chồng, làm ăn kinh tế ăn chung nên bà Tô Thị Diễm K yêu cầu chị Lê Thị Bé B và anh Đ1 Thế Sự trả cho bà K số tiền vay, tiền hụi, tiền lãi còn thiếu là 4.166.480.000đồng, trong đó tiền nợ là 4.124.000.000đồng, tiền lãi là 42.480.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Mộng T là người đại diện của bà K rút lại yêu cầu đối với số tiền 2.000.000.000đồng mà bà K vay của ông C, bà H; chỉ yêu cầu chị Bé B, anh S trả số tiền nợ vay, nợ hụi còn thiếu là 2.124.000.000đồng và tiền nợ lãi từ ngày 17/01/2025 đến ngày 17/3/2025 với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 42.480.000đồng, tổng cộng là 2.166.480.000đồng.

Bị đơn chị Lê Thị Bé B trình bày: Đối với biên nhận ngày 17/01/2025 là do chị B1 Ba ghi rồi ký tên thể hiện số tiền 2.124.000.000đồng nhưng đó bao gồm luôn tiền lãi, tiền vay, tiền hụi chứ chị cũng không nhớ cụ thể số tiền của từng loại bao nhiêu. Chị Bé B vay tiền này có lúc trả nợ ngân hàng, có lúc cho người vay lại chứ anh Đ1 Thế S không biết vì chị không nói. Đối với số tiền 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng) mà bà K vay của ông Đặng Văn C, bà Phạm Thị H thì không có đưa cho chị một lần 2.000.000.000đồng. Số tiền vay này chị B1 Ba tự làm không có liên quan đến anh Đào Thế Sự vì chị Bé B không có cho anh S biết, không có sử dụng số tiền này chung với anh S nên chị không yêu cầu anh S liên đới cùng trả. Nay chị Bé B đồng ý trả tiền nợ vay 2.124.000.000đồng, tiền nợ lãi từ ngày 17/01/2025 đến ngày 17/3/2025 với mức lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 42.480.000đồng, tổng cộng là 2.166.480.000đồng cho bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ1 Thế Sự trình bày: Việc chị B1 Ba với bà Diễm K cho vay, chơi hụi với nhau anh S không biết, hai bên không

có ai nói với anh S chuyện này. Nay anh S không đồng ý liên đới cùng chị B1 Ba trả nợ vay, nợ hui cho bà K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2025/DS - ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Diễm K.

Buộc chị Lê Thị Bé B và anh Đ1 Thế Sự phải liên đới trả cho bà K số tiền nợ vay, nợ hui còn thiếu là 2.124.000.000đồng và tiền nợ lãi là 42.480.000đồng, tổng cộng là 2.166.480.000đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Diễm K về việc yêu cầu chị Lê Thị Bé B, anh Đ1 Thế Sự liên đới trả số tiền vay 2.000.000.000đ mà bà K vay của ông Đặng Văn C, bà Phạm Thị H theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 03/10/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ1 Thế Sự kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa bản án sơ thẩm không buộc anh S cùng với chị B1 Ba trả số tiền 2.166.480.000 đồng cho bà K.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Thế S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Chị Lê Thị Bé B thừa nhận có nợ bà Tô Thị Diễm K tiền nợ vay, nợ hui số tiền 2.124.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Bé B cũng thừa nhận việc chị làm đầu thảo hui, vay tiền của bà K là nhằm mục đích phục vụ kinh tế gia đình. Giữa chị Bé B và anh S là vợ chồng, sống chung với nhau, cùng tạo lập kinh tế gia đình. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh S cùng với chị B1 Ba trả số tiền 2.166.480.000 đồng cho bà K là có căn cứ, đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ1 Thế Sự không đồng ý cùng với Lê Thị B1 Ba trả cho bà Tô Thị Diễm K số tiền nợ hui, nợ vay 2.124.000.000đồng và tiền nợ lãi là 42.480.000đồng, tổng cộng là 2.166.480.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù việc bà Tô Thị Diễm K

tham gia góp hụi do chị Lê Thị Bé B làm đầu thảo và việc chị Bé B vay tiền của bà K là do chị B1 Ba thỏa thuận với bà K nhưng việc chị B1 Ba làm đầu thảo hụi cũng như việc vay tiền của bà K là để phục vụ kinh tế gia đình. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Bé B cũng thừa nhận việc chị làm đầu thảo hụi, vay tiền của bà K là nhằm mục đích phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Chị Bé B và anh Đ1 Thế Sự là vợ chồng, sống chung với nhau, cùng tạo lập kinh tế gia đình nên anh S phải có nghĩa vụ cùng với chị B1 Ba trả cho bà K số tiền nợ này. Anh S kháng cáo cho rằng việc chị B1 Ba làm đầu thảo hụi, nợ tiền hụi, tiền vay của bà K anh S không biết nên không đồng ý cùng chị B1 Ba trả số tiền nợ trên là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Đào Thế Sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0002662 ngày 10/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long, anh S không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Thế S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2025/DS - ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Diễm K.

Buộc chị Lê Thị Bé B và anh Đào Thế S phải liên đới trả cho bà Tô Thị Diễm K số tiền nợ vay, nợ hụi còn thiếu là 2.124.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 42.480.000 đồng, tổng cộng là 2.166.480.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Đào Thế Sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí

phúc thẩm theo biên lai số 0002662 ngày 10/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Vĩnh Long, anh S không phải nộp tiếp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng